

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/KDTM-ST
Ngày 11/6/2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quý Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Trà - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 11/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2019/TLST-KDTM ngày 09/01/2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ*”; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-KDTM ngày 12/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-KDTM ngày 22/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần kết cấu thép A;

Địa chỉ trụ sở: ấp x, xã y, huyện z, tỉnh Long An;

Địa chỉ liên hệ: đường x1, phường y1, quận z1, TP Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp:

Ông Nguyễn Lê Anh T, là người đại diện theo pháp luật (Tổng giám đốc) (vắng mặt).

Ông Trần Mạnh Th, cư trú tại: đường x1, phường y1, quận z1, TP Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn M;

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp PM, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông DP, trú tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Tổng giám đốc Công ty) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần kết cấu thép A (Sau đây gọi tắt là Công ty A) và Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Sau đây gọi tắt là Công ty M) có ký Hợp đồng kinh tế số 14-181/HDKT-A về việc thi công hạng mục sản xuất và cung cấp toàn bộ kết cấu thép cho dự án M tại MX, huyện T, Bà Rịa – Vũng Tàu với tổng giá trị hợp đồng là 17.959.785.626 đồng (Mười bảy tỷ, chín trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, sáu trăm hai mươi sáu đồng).

Sau khi ký kết Hợp đồng, Công ty A đã hoàn thành sản xuất và vận chuyển 100% công việc bao gồm cả phần phát sinh dự án M, hạng mục kết cấu thép (đã bàn giao theo các Biên bản giao nhận vật tư, hàng hóa). Hai bên đã thống nhất xác nhận tổng công nợ (đã bao gồm VAT) là 18.336.008.337 đồng (Mười tám tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, tám ngàn, ba trăm ba mươi bảy đồng) theo Bảng tổng hợp quyết toán số 14-181/HDKT-A ngày 24/5/2019.

Tuy nhiên, Công ty M mới chỉ thanh toán cho Công ty A tổng số tiền là 7.183.914.250 đồng (bảy tỷ một trăm tám mươi ba triệu chín trăm mười bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng). Tổng số tiền chưa thanh toán còn lại (đã bao gồm VAT) là 11.152.094.087VNĐ (Mười một tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, không trăm chín mươi tư ngàn, không trăm tám mươi bảy đồng). Công ty A đã cung cấp đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán đến Công ty M ngày 24/5/2019 và nhiều lần liên hệ để yêu cầu thanh toán nhưng đến nay Công ty M luôn trốn tránh, không giải quyết thanh toán cho Công ty A.

Theo đơn khởi kiện và bổ sung yêu cầu khởi kiện cũng như tại phiên tòa, Công ty A yêu cầu Công ty M phải thanh toán số tiền nợ gốc là 11.152.094.087 VNĐ (Mười một tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, không trăm chín mươi bốn ngàn, không trăm tám mươi bảy đồng). Buộc Công ty M phải thanh toán tiền phạt do vi phạm hợp đồng là: 382.516.687 đồng (ba trăm tám mươi hai triệu năm trăm mười sáu nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Quá trình tố tụng bị đơn trình bày: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã triệu tập hợp lệ đối

với bị đơn theo đúng quy định pháp luật nhưng Công ty M không đến làm việc, không có văn bản trả lời và không cung cấp chứng cứ nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Công ty A khởi kiện Công ty M, trụ sở: Khu công nghiệp PM, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, yêu cầu thanh toán tiền mua bán hàng hóa. Tuy hợp đồng có thỏa thuận Tòa án kinh tế thành phố Hồ Chí Minh là Tòa án có thẩm quyền giải quyết nhưng thỏa thuận trên không đúng quy định về thẩm quyền giải quyết tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần xác định lại thẩm quyền giải quyết như sau: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ*”.

[2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:*

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3501936853 cấp ngày 04/10/2011, cấp đổi lần 2 ngày 11/9/2013 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cung cấp cho Tòa án, thì Công ty M có địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp PM, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; người đại diện theo pháp luật là ông DP-Tổng giám đốc Công ty; hiện nay Công ty M chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản; theo công văn số 1362/BQL-CV ngày 19/7/2019 của Ban quản lý các khu công nghiệp thì lãnh đạo doanh nghiệp Công ty M và người lao động đã không đến làm việc từ ngày 24/5/2019; đồng thời từ ngày 31/5/2019 văn phòng, nhà xưởng và toàn bộ tài sản của Công ty M do Ngân hàng Quân Đội – chi nhánh Bà Rịa, trông giữ; theo xác minh của Tòa án tại Đoàn công an khu công nghiệp Tân Thành thì Công ty M không còn hoạt động và tài sản của công ty do Ngân hàng Quân đội cử người trông coi; theo Công văn số 7677/CT-KTR1 ngày 21/8/2019 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì hiện tại Công ty M không hoạt động tại địa chỉ đã đăng

ký với cơ quan thuế nên không thể cung cấp thông tin liên quan đến việc kê khai thuế.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo Phiên hòa giải, Thông báo Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại các buổi hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, Công ty M vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty M là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn:

Về nội dung vụ án và nguyên nhân dẫn đến tranh chấp:

Công ty A và Công ty M đã ký Hợp đồng kinh tế số 14-181/HDKT-A ngày 05/02/2018, với nội dung thi công hạng mục sản xuất và cung cấp toàn bộ kết cấu thép cho dự án M tại Mỹ Xuân. Do đến nay, Công ty M không thanh toán tiền nợ nên phát sinh tranh chấp đến Tòa án.

Xét hình thức của hợp đồng mua bán hàng hóa: Khi giao kết hợp đồng, Công ty A và Công ty M được coi là pháp nhân theo đúng quy định tại Điều 84 Bộ luật dân sự 2005. Hợp đồng được thể hiện bằng hình thức văn bản, tự nguyện theo đúng Điều 24 Luật thương mại. Đại diện ký tên trong hai hợp đồng đều là người đại diện theo pháp luật của hai công ty theo quy định tại Điều 86, Điều 91 Bộ luật dân sự năm 2005. Nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa không nằm trong danh mục cấm và theo đúng như trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước. Do đó hợp đồng giữa Công ty A và Công ty M được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Hội đồng xét xử nhận thấy từ các chứng cứ là hợp đồng kinh tế, hóa đơn chứng từ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ phù hợp lời trình bày của nguyên đơn thể hiện việc giao kết giữa Công ty A và Công ty M là đúng sự thật và đúng như nguyên đơn đã trình bày, thể hiện Công ty A đã hoàn thành nghĩa vụ của bên bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ được quy định tại Điều 34, 35, 36, 37, 80, 82 Luật thương mại nên phía Công ty M có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo quy định tại Điều 50, Điều 87 Luật thương mại.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại Bảng tổng hợp quyết toán ngày 24/5/2018, Công ty M xác nhận còn nợ Công ty A số tiền là 18.336.008.337 đồng (Mười tám tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, tám ngàn, ba trăm ba mươi bảy đồng). Công ty M đã thanh toán cho Công ty A tổng số tiền là 7.183.914.250 đồng (bảy tỷ một trăm tám mươi ba triệu chín trăm mười bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng), còn nợ số tiền 11.152.094.087 đồng (Mười một tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, không trăm chín mươi tư ngàn, không trăm tám mươi bảy đồng).

Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc phía Công ty M phải thanh toán số tiền còn nợ là 11.152.094.087 đồng (Mười một tỷ, một

trăm năm mươi hai triệu, không trăm chín mươi tư ngàn, không trăm tám mươi bảy đồng).

Đối với yêu cầu phạt hợp đồng của phía nguyên đơn thì thấy:

Theo quy định tại Điều 9 Hợp đồng kinh tế số 14-181/HDKT-A ngày 05/02/2018, quy định “Nếu bên A thanh toán chậm so với đề nghị của bên B thì bên A bị phạt 0,01% giá trị trả chậm cho mỗi ngày chậm trễ nhưng tổng số tiền phạt không vượt quá 8% giá trị hợp đồng”. Thời hạn thanh toán là trong vòng 30 ngày sau khi đã nhận được các chứng từ, hồ sơ.

Nhận thấy theo các chứng cứ có trong hồ sơ, Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền từ ngày 24/5/2018 nên việc Công ty A yêu cầu tiền phạt vi phạm 0,01%/ngày được tính từ ngày 24/6/2018 đến ngày 11/6/2019 với số tiền 382.516.687 đồng (ba trăm tám mươi hai triệu năm trăm mười sáu nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng) không vượt quá 8% giá trị hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc phía Công ty M phải thanh toán cho Công ty A, số tiền 11.152.094.087 đồng (Mười một tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, không trăm chín mươi tư ngàn, không trăm tám mươi bảy đồng), tiền phạt vi phạm với số tiền 382.516.687 đồng (ba trăm tám mươi hai triệu năm trăm mười sáu nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Tổng số tiền Hội đồng xét xử buộc Công ty M phải thanh toán cho Công ty A, là 11.534.610.774 đồng (mười một tỷ năm trăm ba mươi tư triệu sáu trăm mười nghìn bảy trăm bảy mươi tư đồng).

Bị đơn trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên tòa hôm nay: Dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã được cung cấp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng phía Công ty M không có mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án nên coi như từ bỏ quyền bảo vệ mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty A.

Công ty M phải nộp án phí: $112.000.000 \text{ đồng} \times 0,1\% (11.534.610.774 - 4.000.000.000) = 119.534.000 \text{ đồng}$ (một trăm mười chín triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 430, 440, 513, 519 Bộ luật dân sự 2015; Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 42, Điều 50, Điều 85, Điều 87, Điều 292, Điều 300, Điều 301 Luật thương mại;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần kết cấu thép A đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn M về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ*”.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải trả cho Công ty cổ phần kết cấu thép A số tiền gốc 11.152.094.087 đồng (mười một tỷ một trăm năm mươi hai triệu không trăm chín mươi tư nghìn tám mươi bảy đồng).

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải trả cho Công ty cổ phần kết cấu thép A số tiền phạt vi phạm tính đến ngày 13/6/2019, số tiền 382.516.687 đồng (ba trăm tám mươi hai triệu năm trăm mười sáu nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 119.534.000 đồng (một trăm mười chín triệu năm trăm ba mươi tư đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần kết cấu thép A là 59.576.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006749 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Bảo Ngọc